

Số: 239/2022/DS-PT

Ngày: 07-07-2022

V/v: “*Tranh chấp chia TKTS theo di chúc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ.M.H

Các Thẩm phán: Ông M.T.D

Bà Đ.M.C.Y.

- Thư ký phiên tòa: Bà T.T.H.L - Thư ký TAND Thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSND TP Hà Nội: Bà H.V.T - Kiểm sát viên .

Ngày 07/7/2022, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2021/TLPT-DS ngày 16/7/2021 về “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản theo di chúc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của TAND huyện TT, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐ-PT ngày 10/5/2022 và các Thông báo mở lại phiên tòa tiếp theo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phan Thị Thanh N , sinh năm 1976. Trú tại: Số nhà 47, ngõ 63/212/14 đường Lê Đức T, tổ 3, phường M, quận NTL, HN. Có mặt;

1.2. Bà Ngô Thị V , sinh năm 1975. Trú tại: 413 E5 Thanh Xuân B, quận TX, HN. Có mặt;

1.3. Ông Vương Hùng S, sinh năm 1972. Trú tại: Xóm Đ, tổ 13, phường TT, quận HM, HN. Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Bùi Nguyên T , sinh năm 1951. Địa chỉ: Lô 4, M5, TT6 Bắc Linh Đ, phường ĐK, quận HM, HN. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Luật sư Vũ Thị Kim N, Văn phòng Luật sư H. Địa chỉ: Số 512 Chung cư D, Số 8 đường Trần Thủ Đ, quận HM, HN. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957. Trú tại: Số nhà 63, ngõ 180 đường Tây Mỗ, tổ dân phố Phụng, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Có mặt;

2.2. Anh Lê Quang Hòa, sinh năm 1984. Trú tại: Số nhà 12, ngõ 222 đường Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Vắng mặt;

2.3. Anh Đỗ Minh Phương, sinh năm 1988. Trú tại: Đội 1, thôn Việt Yên, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Vắng mặt;

2.4. Chị Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm 9, thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Vắng mặt;

2.5. Ông Vũ Phương, sinh năm 1964. Trú tại: 49/103 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Vắng mặt;

2.6. Chị Trần Thị Tuyết, sinh năm 1987. Trú tại: P410-CT10B khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Vắng mặt;

2.7. Chị Nguyễn Bích Nhân, sinh năm 1988. Trú tại: Đội 1, thôn Việt Yên, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Vắng mặt;

2.8. Chị Nguyễn Thị Tố Linh, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 8, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội. Vắng mặt;

2.9. Chị Hoàng Thị Bích Đào, sinh năm 1980. Trú tại: P1412-HH3B, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Vắng mặt;

2.10. Chị Phạm Thị Phương, sinh năm 1991. Trú tại: Xóm 1, An Liệt, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt;

2.11. Anh Bùi Khắc Hợp, sinh năm 1982. Trú tại: thôn Vân La, xã Hồng Vân, huyện TT, Hà Nội. Vắng mặt;

2.12. Chị Lương Thị Nhã, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái, huyện TT, Hà Nội. Vắng mặt;

2.13. Anh Nguyễn Trọng Thắng, sinh năm 1985. Trú tại: Phụng Sồ, xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

2.14. Chị Nguyễn Thị Thắm, sinh năm 1987. Trú tại: Phú Nhi 1, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho tất cả các bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ. Địa chỉ: Phòng 523 chung cư Bộ tư lệnh đặc công, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần dược phẩm Q. Trụ sở: Thôn Duyên T, xã DT, huyện TT, HN. *Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị T – Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần dược phẩm Q là ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Công ty*

Luật H, P506, tầng 5, Tòa B Tower Vinaconex 2, Khu đô thị L, đường Nghiêm Xuân Y, phường ĐK, quận HM, HN. Có mặt;

3.2. Anh Nguyễn Trọng V , sinh năm 1982. Đăng ký hộ khẩu: 22A tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Công T, quận HBT, HN. Nơi ở hiện nay: P02.2304 KĐT T, quận HM, HN. Có mặt;

3.3. Chị Nguyễn Thị Bích N (*tên gọi khác: H*), sinh năm 1976. Đăng ký hộ khẩu: 102-C45 phường Mai Động, quận HBT, HN. Nơi ở: Nhà 0409 Khu Phong Lan, Vinhomes Riverside, quận LB, HN. *Người đại diện theo ủy quyền* của chị N là chị Lương Ngọc Thủy T. Địa chỉ: Tầng 1, nhà C, KĐT Đền Lừ 1, phường Hoàng Văn Th, quận HM, HN. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N là Luật sư Phạm Thành T, Công ty Luật PD. Có mặt;

3.4. Cụ Đào Thị T. Đã chết ngày 23/12/2021. *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ T :*

3.4.1. Ông Nguyễn Quốc D , chết năm 2017. *Người thừa kế thế vị ông D là:*

3.4.1.1. Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1976; Địa chỉ: PL 04-09 Khu Phong Lan, Vinhomes Riverside, Phường P, quận LB, HN. Có mặt *Người đại diện theo ủy quyền* của chị N là chị Lương Ngọc Thủy T .

3.4.1.2. Anh Nguyễn Trọng V , sinh năm 1982: Địa chỉ: P02 23 04 Khu đô thị Timecity Parkhill, quận HM, HN. Có mặt;

3.4.2. Bà Nguyễn Thị Thanh H , sinh năm 1955. Địa chỉ: P06.01 Tòa nhà N3 Nguyễn Công Trứ, phường P, quận HBT, HN. Có mặt;

3.4.3. Bà Nguyễn Thị Tô T , sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 7 ngõ 44 Nguyễn Đình Chiểu, phường L, quận HBT, HN. Có mặt;

3.4.4. Bà Nguyễn Thị Thanh N , sinh năm 1959. Địa chỉ: 204-B6 Vĩnh Hồ, phường N, quận ĐĐ, HN. Có mặt;

3.4.5. Ông Nguyễn Trọng T , sinh năm 1969; Địa chỉ: P14-17 Tòa nhà N3 chung cư TT Nguyễn Trứ, phường P, quận HBT, HN. Có mặt;

3.4.6. Bà Nguyễn Ngọc L , chết năm 2006. *Người thừa kế thế vị bà L là:*

3.4.6.1. Anh Phạm Duy A , sinh năm 1984. Vắng mặt;

3.4.6.2. Anh Phạm Minh T , sinh năm 2000. Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 45 Quang T, quận HK, HN.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Nguyễn Thị T là bị đơn. *Người đại diện theo ủy quyền cho bà T* là ông Nguyễn Văn Đ . Cùng có mặt;

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.2.1. Anh Nguyễn Trọng V . Có mặt;

4.2.2. Chị Nguyễn Thị Bích N . Có mặt chị Lương Ngọc Thủy T *là người đại diện theo ủy quyền của chị N* và Luật sư Phạm Thành T *bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị N*.

4.2.3. Cụ Đào Thị T. Đã chết ngày 23/12/2021. *Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ T gồm:*

4.2.3.1. Ông Nguyễn Quốc D , chết năm 2017. *Người thừa kế thế vị ông D là:*

4.2.3.1.1. Chị Nguyễn Thị Bích N . Có mặt người đại diện theo ủy quyền là chị Lương Ngọc Thủy T *và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N là Luật sư Phạm Thành T;*

4.2.3.1.2. Anh Nguyễn Trọng V . Có mặt;

4.2.3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh H . Có mặt;

4.2.3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh N . Có mặt;

4.2.3.4. Bà Nguyễn Thị Tố T . Có mặt;

4.2.3.5 . Ông Nguyễn Trọng T . Có mặt;

4.2.3.6. Bà Nguyễn Ngọc L , chết năm 2006. *Người thừa kế thế vị bà L là:*

4.2.3.6.1. Anh Phạm Duy A . Vắng mặt;

4.2.3.6.2. Anh Phạm Minh T . Có mặt;

5. Người kháng nghị: VKSND huyện TT, Thành phố Hà Nội kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của TAND huyện TT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm.

1. Các nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần Dược phẩm Q (*được chuyển đổi từ Công ty TNHH dược phẩm Mê Linh; sau đây viết tắt là Công ty Q*) có 03 cổ đông góp vốn gồm: Ông Nguyễn Quốc D (*Nguyên là giám đốc kiêm chủ tịch hội đồng quản trị*) sở hữu 3.499.300 cổ phần, chiếm 99,98% vốn điều lệ, ông Lê Quang H sở hữu số cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ, ông Đỗ Minh P sở hữu số cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ.

Ngày 01/7/2017, ông D chết và đã để lại Bản di chúc lập ngày 03/5/2017 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, số công chứng 01238. 2017/CCHH/DC quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/5/2017 (*Sau đây viết tắt là Bản di chúc số 01238*) chia cho cán bộ công nhân tại Công ty Q hưởng toàn bộ số cổ phần của mình tại Công ty Q. Do không thống nhất trong việc phân chia cổ phần theo Bản di chúc số 01238. Ngày 22/11/2018, các nguyên đơn đã khởi kiện đối với các bị đơn, cùng là

nhân viên của Công ty Q và là những người hưởng thừa kế theo Bản di chúc số 01238. Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

1/ Xác định số người được hưởng thừa kế theo Bản di chúc số 01238 của ông D lập ngày 03/5/2017 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà.

2/ Phân chia di sản thừa kế của ông D để lại là 3.499.300 cổ phần phổ thông (*Chiếm 99,98% tổng số vốn điều lệ của Công ty Q có giá trị 10.000 đồng/cổ phần*) theo Bản di chúc số 01238 và xác định nghĩa vụ của những người hưởng thừa kế, các vấn đề khác có liên quan.

2. Các bị đơn, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ cùng thống nhất trình bày:

Các bị đơn thống nhất tại thời điểm hiện nay, theo Bản di chúc số 01238 thì có 17 người gồm: Các ông/bà Nguyễn Thị T, Lê Quang H, Đỗ Minh P, Nguyễn Thị Y, Vũ P, Trần Thị T, Nguyễn Bích N, Nguyễn Thị Tô L, Hoàng Thị Bích Đ, Phạm Thị P, Bùi Khắc H, Lương Thị N, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị T được hưởng di sản thừa kế theo Bản di chúc số 01238. Các bị đơn nhất trí với quan điểm khởi kiện của nguyên đơn là đề nghị phân chia cụ thể cho 17 cán bộ nhân viên trong Công ty Q, mỗi người được hưởng số lượng cổ phần phổ thông của ông D để lại theo Bản di chúc số 01238 là bao nhiêu và nghĩa vụ của từng người phải thực hiện. Không nhất trí với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Cụ Đào Thị T (*khi còn sống và những người giám hộ cụ tại thời điểm giải quyết sơ thẩm*) có Đơn yêu cầu độc lập trình bày:

Cụ T là mẹ của ông D là người mất hoàn toàn năng lực hành vi dân sự có yêu cầu độc lập gồm:

1/ Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quốc D để lại là 3.499.300 cổ phần phổ thông, chiếm 99,98% tổng số vốn điều lệ của Công ty Q cho cụ T theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật liên quan. Buộc Công ty Q thực hiện xác nhận cổ phần của cụ T bằng việc ghi thông tin, cấp Sổ đăng ký cổ đông, cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cụ T theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và khoản 3, khoản 7 Điều 126, Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Anh Nguyễn Trọng V có Đơn yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án:

- Chia di sản thừa kế của ông D để lại là 3.499.300 cổ phần phổ thông, chiếm 99,98% tổng số vốn điều lệ của Công ty Q theo pháp luật, vì mặc dù trước khi chết ông D có để lại Bản di chúc số 01238 nhưng do những người thừa kế theo di chúc

không thực hiện đúng các điều kiện và nghĩa vụ để họ được hưởng di sản nên họ không được hưởng di sản thừa kế.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật cho 3 người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông D , mỗi người được 1/3 số cổ phần là di sản thừa kế (3.499.300 cổ phần, tương ứng 34.933.000.000 đồng), gồm:

1/ Cụ Đào Thị T;

2/ Chị Nguyễn Thị Bích N ;

3/ Ông Nguyễn Trọng V .

Ông D đã kết hôn ngày 13/11/1975 nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 154 ngày 17/09/1996 của TAND quận HBT. Từ khi ly hôn cho đến khi chết chưa kết hôn với ai (theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 281/UBND ngày 26/10/2017 của Ủy ban nhân dân phường Phố Huế). Bỏ để ông D đã chết trước ông D ; ông D không có bố mẹ nuôi, con nuôi nào khác.

3.2. Chị N có Đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án:

1/ Xác định nguyên đơn và những người có liên quan được liệt kê trong danh sách kèm theo Bản di chúc số 01238 không phải là người thừa kế và không có quyền hưởng di sản thừa kế mà chỉ là những người được chỉ định quản lý di sản là toàn bộ cổ phần của ông D để lại tại Công ty Q.

2/ Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế là toàn bộ số cổ phần của ông D tại Công ty Q theo Bản di chúc số 01238.

3. Đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn; những người có tên được liệt kê theo danh sách kèm theo Bản di chúc số 01238 và Công ty Q phải thực hiện đúng nghĩa vụ của họ là phải chi trả cho chị 40.000.000 đồng hàng tháng tính từ thời điểm mở thừa kế (thời điểm ông D chết ngày 01/7/2017).

4. Đề nghị Tòa án công nhận và phân chia cho chị có quyền hưởng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông D để lại theo Bản di chúc số 01238 là $(3.499.300/3) \times 2/3 = 777.6222.222$ cổ phần.

3.3. Công ty Q do người đại diện theo pháp luật trình bày:

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng nội dung di nguyện của ông Nguyễn Quốc D được thể hiện ở Bản di chúc số 01238. Chị N đã nhiều lần đến Công ty gây rối mất trật tự nên việc luật sư của chị N cho rằng chị N bị liệt không đi lại được là không đúng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS - ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quốc D gồm là 3.499.300 cổ phần của ông D tại Công ty cổ phần Dược phẩm Q cho 17 người như sau:

- 1.1. Nguyễn Thị T : 332,114 cổ phần
- 1.2. Lê Quang H: 332,086 cổ phần
- 1.3. Nguyễn Thị Y 233,628 cổ phần
- 1.4. Ngô Thị V 233,628 cổ phần
- 1.5. Đỗ Minh P 233,628 cổ phần
- 1.6. Trần Thị T 210,186 cổ phần
- 1.7. Nguyễn Bích N 210,186 cổ phần
- 1.8. Vũ P 210,186 cổ phần
- 1.9. Vương Hùng S 210,186 cổ phần
- 1.10. Nguyễn Thị Tố L 190,652 cổ phần
- 1.11. Phan Thị Thanh N 190,652 cổ phần
- 1.12. Phạm Thị P 174,372 cổ phần
- 1.13. Hoàng Thị Bích Đ 174,372 cổ phần
- 1.14. Bùi Khắc H 140,856 cổ phần
- 1.15. Nguyễn Thị T 140,856 cổ phần
- 1.16. Nguyễn Trọng T 140,856 cổ phần
- 1.17. Lương Thị N 140,856 cổ phần.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập và những đề nghị khác của anh Nguyễn Trọng V .

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập và những đề nghị khác của Cụ Đào Thị T đã được sửa đổi, bổ sung thông qua người giám hộ hiện nay là anh Nguyễn Trọng V .

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N :

Buộc Công ty cổ phần Dược phẩm Q chi trả cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 40 triệu đồng/ tháng, kể từ thời điểm mở thừa kế 01/7/2017 đến hết tháng 4/2021 là 1.840.000.000 đồng. Kể từ tháng 5/2021, Công ty cổ phần dược phẩm Q có nghĩa vụ tiếp tục trả cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 40.000.000 đồng/ tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Không chấp nhận các yêu cầu khác và đề nghị khác của chị Nguyễn Thị Bích N .

.....

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

- **Bị đơn** là bà Nguyễn Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét miễn án phí cho bà.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:** Cụ T (*do anh Vt là người giám hộ của cụ T tại thời điểm nộp đơn*), anh Việt, chị N kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của họ.

- **Viện kiểm sát nhân dân huyện TT** ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS ngày 27/5/2021 với các nội dung:

+ Cấp sơ thẩm xác định những người còn lại trong di chúc ngày 03/5/2017 là bị đơn là không đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS, cần xác định những người này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xác định Công ty Q là bị đơn.

+ Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan toàn diện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo;

Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội xin rút một phần kháng nghị về nội dung cho rằng: Cấp sơ thẩm xác định những người còn lại trong di chúc ngày 03/5/2017 là bị đơn là không đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS, cần xác định những người này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xác định Công ty Q là bị đơn. Giữ nguyên các nội dung kháng nghị khác.

Người kháng cáo trình bày tranh luận:

Lưu ý Tài bảo vệ quyền, lợi ích cho chị N trình bày tranh luận:

Tòa án cấp sơ thẩm không xác định các cán bộ nhân viên khác của Công ty Q (*ngoài những người có tên trong danh sách được hưởng di sản thừa kế theo Bản di chúc số 01238*) là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không tiến hành định giá giá trị cổ phần do ông D để lại là vi phạm tố tụng.

Bản di chúc số 01238 chỉ cho những người có tên trong danh sách kèm theo được hưởng cổ tức nhưng bản án sơ thẩm lại trao quyền sở hữu cho những người này là trái với di nguyện của người đã khuất và không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm chỉ tuyên về quyền lợi mà không tuyên về trách nhiệm của người

được hưởng thừa kế là vi phạm di chúc, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị N. Chị N là người khuyết tật bẩm sinh, không có khả năng lao động do đó chị N là đối tượng được hưởng di sản không phụ thuộc vào di chúc. Tuy nhiên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của chị N do cho rằng chị N đã được hưởng các tài sản khác, nhưng không có căn cứ xác định những phần tài sản mà chị N đã được hưởng có đủ 2/3 của 01 kì phần mà lẽ ra chị N được hưởng đối với 3.499.300 cổ phần phổ thông, chiếm 99,98% tổng số vốn điều lệ của Công ty Q mà ông D để lại hay không.

Do đó theo Luật sư, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng và không đúng về nội dung mà không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N nhất trí toàn bộ luận cứ tranh luận của Luật sư Tài.

- *Anh V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:*

Anh là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D và là người thừa kế thế vị ông D đối với kỳ phần thừa kế của cụ T (*bà nội anh*). Theo anh: Bản di chúc số 01238 là bản di chúc nhân văn của bố anh, bố anh chỉ mong muốn để mọi người trong Công ty có thu nhập cao, anh và chị anh có thu nhập ổn định. Bố anh không cho những người có tên trong danh sách quyền sở hữu, định đoạt cổ phần của bố anh tại Công ty mà chỉ để lại một phần cổ tức. Việc nguyên đơn thông qua Tòa án để định đoạt quyền sở hữu di sản thừa kế là cổ phần của bố anh tại Công ty Q là không phù hợp nội dung di chúc. Di chúc có ghi phải đảm bảo cho anh và chị N 40 triệu đồng/tháng tuy nhiên trong gần 4 năm qua Công ty Q cũng như những người có tên trong danh sách chưa hề chi trả khoản này là đã vi phạm nội dung di chúc. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án chia toàn bộ số cổ phần phổ thông của ông D để lại tại Công ty Q theo pháp luật, tức là chia làm ba phần bằng nhau cho ba người ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ T (*Mẹ đẻ ông D, đã chết thì những người thừa kế của cụ được hưởng kỳ phần của cụ*), anh V và chị N.

- *Ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày tranh luận:*

Bà T sinh năm 1957, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 xem xét miễn án phí dân sự cho bà T. Đối với các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS - ST đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

- *Bà T* nhất trí toàn bộ ý kiến tranh luận của ông Đ.

- *Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của cụ T* gồm các bà: Thanh H, Tô T, Thanh N, ông Trọng T; những người thừa kế thế vị ông D, bà L gồm: Anh V, đại diện

theo ủy quyền của chị N, anh Duy T có mặt tại phiên tòa cùng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của cụ T. Do cụ T đã chết thì đề nghị Hội đồng xét xử phân chia riêng cho từng người theo kỹ phần được hưởng từ kỹ phần mà cụ T được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với cổ phần tại Công ty Q do ông D để lại.

Những người không kháng cáo phát biểu ý kiến tranh luận:

- *Luật sư N bảo vệ quyền, lợi ích của các nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn đều thống nhất là tôn trọng di nguyện của ông D để lại theo Bản di chúc số 01238. Anh V cho rằng những người thừa kế đã vi phạm điều kiện của di chúc là không đúng. Thực tế là những người thừa kế theo di chúc vẫn mong muốn thực hiện và đã chi trả cho chị N được 50.000.000 đồng, chưa chi trả cho anh Việt. Những người thừa kế theo di chúc không thể thực hiện được toàn bộ điều kiện như di chúc, bởi việc chi trả của Công ty phải dựa trên pháp luật và Luật doanh nghiệp. Mặc dù theo di chúc của ông D thì những người thừa kế được hưởng cổ tức không cho quyền định đoạt cổ phần, tuy nhiên ông không hạn chế quyền hưởng cổ tức, quyền đăng ký cổ phần. Theo bị đơn những điều kiện của di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó phải có phán quyết của Tòa án thì những người thừa kế theo di chúc mới có cơ sở để thực hiện di chúc của ông D. Xác định bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS – ST là có căn cứ pháp luật và nguyên đơn không kháng cáo. Tuy nhiên nguyên đơn cũng đồng tình với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị N là đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xác minh thêm để có phán quyết thỏa đáng.

- *Các nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn nhất trí với toàn bộ quan điểm tranh luận của Luật sư N không bổ sung thêm.*

- *Ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn không kháng cáo bày tranh luận:*

Xác định bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS – ST được cấp sơ thẩm tuyên là đúng với bản di chúc của ông D để lại nên 13 bị đơn còn lại không kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

- *Ông T, đại diện theo ủy quyền của Công ty Q trình bày:*

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS – ST là đúng với ý chí của ông D. Ông D đã giải thích rất rõ ràng, để hình thành được một công ty thì ngoài tâm huyết của ông D còn phải có sự đồng hành của các cán bộ công nhân viên, ông D hi vọng công ty trường tồn và hiện hình mãi mãi. Liên quan đến phần của cụ T thì trước đây cụ T có yêu cầu độc là hưởng 2/3 suất thừa kế thì Công ty cũng không phản đối. Đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng ý chí của ông D theo Bản di chúc số 01238. Kể từ khi ông

D chết, Công ty Q quản lý cổ phần phổ thông của ông D sản xuất kinh doanh đều có lãi. Hiện Công ty có khoảng trên dưới 100 cán bộ nhân viên (*có thay đổi về số lượng công nhân theo Hợp đồng thời vụ*) được trả lương đầy đủ. Đối với yêu cầu của chị N, bản thân chị N cũng đã được hưởng di sản khác do ông D để lại và Công ty Q đã chi trả cho chị N được 50.000.000 đồng như Luật sư N trình bày

Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật của Công ty Q nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của ông Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến quá trình xét xử tại phiên tòa.
- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định;
- Di chúc có đề cập đến quyền lợi của các thành viên khác .
- Cấp sơ thẩm không đưa những công nhân của Công ty Q, ngoài những người được hưởng thừa kế cổ phần của ông D theo di chúc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

Về nội dung:

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bản di chúc số 01238 có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 627, 628 BLDS 2015. Tuy nhiên nội dung của di chúc đã nêu: Những người được thừa kế bị hạn chế quyền định đoạt số cổ phần họ được hưởng thừa kế từ ông D. Như vậy ông D chỉ cho các nhân viên trong danh sách được đứng tên trên cổ phiếu và hưởng tỷ lệ % cổ tức theo số cổ phần họ đứng tên, đồng thời có trách nhiệm cùng công ty đảm bảo chi trả tiền hàng tháng cho 2 người con của ông mỗi người 40.000.000 đồng là không đúng pháp luật vì ông không phải là người nắm giữ 100% vốn của công ty, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khác của công ty là ông Lê Quang H có 0,01% vốn điều lệ; ông Đỗ Minh P có 0,01% vốn điều lệ. Điều kiện hưởng di sản thừa kế cũng không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ Công ty, làm hạn chế quyền của cổ đông nhận thừa kế. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông D gồm 3.499.300 cổ phần tại Công ty Q cho 17 người theo danh sách nhưng không tuyên rõ họ bị hạn chế 1 số quyền như trong di chúc nêu là không đúng với ý chí, nguyện vọng của ông D.

Đối với kháng cáo của bị đơn: Bà T sinh năm 1957, là người cao tuổi, có đơn kháng cáo đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đối với kháng nghị của VKS huyện TT:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần đã rút kháng nghị. Giữ nguyên nội dung kháng nghị xác định: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan toàn diện, vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như đã phân tích nêu trên.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 298, khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện KSND huyện TT, hủy bản án án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của TAND huyện TT. Giao hồ sơ vụ án về TAND huyện TT giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.
- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
- Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cụ T chết ngày 23/12/2021. Tòa cấp phúc thẩm đã bổ sung các bà: Nguyễn Thị Thanh H , Nguyễn Thị Tố T , Nguyễn Thị Thanh N ; ông Nguyễn Trọng T ; chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng V (thừa kế thế vị ông D) và các anh Phạm Duy A , Phạm Minh T (thừa kế thế vị bà Nguyễn Ngọc L) tham gia tố tụng với tư cách là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ T là đúng quy định Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Một số đương sự không kháng cáo, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Nội dung:

2.1. Những nội dung các đương sự cùng thống nhất không phải chứng minh:

Ông Nguyễn Quốc D chết ngày 01/07/2017. Tại thời điểm ông D chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông D theo pháp luật gồm:

- Chị Nguyễn Thị Bích N , sinh năm 1976 (Con đẻ ông D);
- Anh Nguyễn Trọng V , sinh năm 1982 (Con đẻ ông D);
- Cụ Đào Thị T (Mẹ đẻ ông D).

Ngoài ra không có ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D .

Cụ T chết ngày 23/12/2021. *Những người thừa kế thứ nhất là các con đẻ của cụ còn sống và người thừa kế thế vị người con đẻ đã chết gồm:*

- Ông Nguyễn Quốc D , đã chết năm 2017. *Người thừa kế thế vị ông D* là: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Trọng V ;
- Bà Nguyễn Thị Thanh H , sinh năm 1955;
- Bà Nguyễn Thị Tô T , sinh năm 1957;
- Bà Nguyễn Thị Thanh N , sinh năm 1959.
- Bà Nguyễn Ngọc L , chết năm 2006. *Người thừa kế thế vị bà L* là: Anh Phạm Duy A , sinh năm 1984 và anh Phạm Minh T , sinh năm 2001;
- Ông Nguyễn Trọng T , sinh năm 1969.

Ngoài ra không có ai khác là người thừa kế, quyền nghĩa vụ của cụ T và cụ T không có nghĩa vụ đối với bất kỳ ai trước khi chết.

Trước khi chết, ông D nguyên là giám đốc kiêm chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Q sở hữu 3.499.300 cổ phần phổ thông, chiếm 99,98% vốn điều lệ của Công ty QD – Meliphar. Do cổ phần phổ thông của Công ty Q nói chung và của ông D nói riêng chưa lên sàn giao dịch nên xác định cổ phần phổ thông của Công ty Q nói chung và của ông D nói riêng được tính giá trị theo vốn Điều lệ của Công ty Q là 10.000.000 đồng/cổ phần.

Ông D đã lập Bản di chúc số 01238 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà ngày 03/5/2017 trong tình trạng minh mẫn và không bị ép buộc.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự,

2.2.1. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2.2.1.1. Xét kháng cáo của cụ T (Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của cụ T); của Anh V và chị N về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của họ, chia di sản của ông D là quyền sở hữu 3.499.300 cổ phần phổ thông tại Công ty Q theo pháp luật. Hội đồng xét xử thấy:

Xét tính hợp pháp của Bản di chúc số 01238

- *Về hình thức:* Bản di chúc số 01238 do ông D là người có đủ năng lực hành vi dân sự lập bằng văn bản, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Hồng Hà ngày 03/5/2017 là phù hợp với quy định tại các Điều: 625, 627, 628, 630 Bộ luật Dân sự năm 2015 (*Sau đây viết tắt là: BLDS 2015*).

- *Về nội dung:*

+ Tại điểm 2 Mục A phần II của Bản di chúc số 01238, ông D xác định ông có quyền sở hữu 3.499.300 cổ phần phổ thông tại Công ty Q. Ông để lại 2.275.000 cổ phần phổ thông, tương ứng với 65% vốn điều lệ tại Công ty Q; còn 1.224.300 cổ phần còn lại ông D sẽ chuyển nhượng “*trong thời gian tới*”, nếu việc chuyển nhượng không thành thì toàn bộ 1.224.300 cổ phần trên cũng sẽ trở thành di sản

thừa kế và được chia đều cho người được thừa kế được ông chỉ định trong Bản di chúc số 01238 tại thời điểm mở thừa kế. Cho đến thời điểm ông D chết thì ông D chưa ký hợp đồng chuyển nhượng 1.224.300 cổ phần cho bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào. Do đó di sản thừa kế ông D để lại được xác định là 3.499.300 cổ phần phổ thông của Công ty Q.

Tại mục B, C phần II Bản di chúc số 01238 chỉ định: “Người được hưởng di sản thừa kế là cán bộ, nhân viên của Công ty có Hợp đồng lao động hoặc có các loại Hợp đồng khác với Công ty theo Danh sách người thừa kế được đính kèm theo Di chúc này”, kèm theo di chúc là họ tên 19 người đang là các cán bộ, nhân viên của Công ty. Tuy nhiên để được hưởng di sản thừa kế của ông D để lại, những người này phải thực hiện nghĩa vụ theo nội dung chi tiết nêu tại điểm 2 Mục C phần II của Bản di chúc số 01238 là: “Người thừa kế sau khi được hưởng thừa kế không có quyền định đoạt di sản thừa kế là cổ phần thừa kế của tôi tại Công ty theo Di chúc này, cụ thể, không một ai trong những người được hưởng thừa kế có quyền thực hiện bất cứ hành vi nào, dưới bất cứ hình thức nào làm ảnh hưởng đến quyền định đoạt di sản thừa kế, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các hành vi sau: cầm cố; thế chấp; nhận đặt cọc; bảo lãnh; chuyển nhượng, bán (kể cả chuyển nhượng, bán một phần); chuyển đổi; tặng cho; cho thuê; cho mượn; góp vốn vào doanh nghiệp ... hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch trên đối với di sản thừa kế là cổ phần của tôi tại Công ty theo di chúc này”. Như vậy, những người thừa kế của ông D tại Công ty Q theo Bản di chúc số 01238 chỉ được hưởng phần cổ tức (nếu có) tương ứng với % cổ phần được thừa kế mà không có quyền sở hữu đối với số cổ phần này. Theo khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần”, thì những người thừa kế này không phải là cổ đông của Công ty Q, nên mặc dù được hưởng cổ tức từ cổ phần được thừa kế nhưng họ lại không có quyền của cổ đông phổ thông theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp hiện hành. Do vậy, điều kiện này trái với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, dẫn đến Bản di chúc số 01238 trên thực tế không thể thực hiện được, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty Q.

+ Tại điểm 1 Mục D Bản di chúc số 01238 còn quy định: “Người thừa kế phải thực hiện giải thể Công ty khi trong quá trình hoạt động mà Công ty bị thâm hụt tổng giá trị tài sản xuống còn 70% tổng giá trị tài sản so với tổng giá trị tài sản trên Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm mở thừa kế”. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020 thì việc giải thể Công ty Q thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả những cổ đông có quyền biểu quyết.

Những người thừa kế không có quyền của cổ đông và không có quyền biểu quyết việc giải thể Công ty Q, do đó những người thừa kế không có quyền thực hiện giải thể Công ty theo Bản di chúc số 01238. Trên thực tế thì sau khi ông D chết, ngoài ông D là cổ đông nắm giữ 99,98% vốn điều lệ thì còn ông Lê Quang Hòa và ông Đỗ Minh Phương là cổ đông của Công ty Q.

Bản di chúc số 01238 còn nêu điều kiện: Những người thừa kế phải chi trả cho anh V, chị N mỗi người 40.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên những người được hưởng thừa kế không có quyền định đoạt cổ phần của ông D để lại nên không thể thực hiện điều kiện này và thực tế kể từ thời điểm ông D chết (*thời điểm mở thừa kế*) những người thừa kế không thực hiện được điều kiện này. Việc các nguyên đơn, Công ty Q trình bày đã chi trả cho chị N 50.000.000 đồng nhưng không có văn bản, tài liệu chứng cứ chứng minh, không được chị N thừa nhận; Cấp sơ thẩm không xem xét quyết định về khoản 50.000.000 này và không có đương sự nào kháng cáo về nội dung này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định Bản di chúc số 01238 của ông D không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, nội dung của Di chúc không rõ ràng và không thể thực hiện được. Cấp phúc thẩm đã có quyết định yêu cầu các đương sự giải thích Bản di chúc số 01238 nhưng các đương sự không thể giải thích rõ ràng và không thể giải thích được việc thực hiện di chúc. Đối chiếu với quy định tại Điều 643, Điều 648 BLDS 2015 thì cấp sơ thẩm xác định Bản di chúc số 01238 có hiệu lực pháp luật là không có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử xác định toàn bộ Bản di chúc số 01238 không có hiệu lực pháp luật; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chia di sản thừa kế của ông D là quyền sở hữu 3.499.300 cổ phần phổ thông, chiếm 99,98% vốn điều lệ của Công ty Q theo pháp luật.

Căn cứ vào các tình tiết không phải chứng minh đã nêu tại mục 2.1 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đối chiếu với quy định tại các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 623, 643, 648, 649, 650, 651, 652 BLDS 2015. Xác định:

- Thời điểm mở thừa kế của ông D là ngày ông chết tức ngày 01/7/2017.
- Hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm: Chị Nguyễn Thị Bích N ; anh Nguyễn Trọng V và Cụ Đào Thị T. Do cụ T chết ngày 23/12/2021 nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T thừa kế kỷ phần của cụ T được hưởng từ ông D gồm: Ông Nguyễn Quốc D , do ông D đã chết ngày 01/7/2017 nên hai con đẻ của ông D là chị N , Anh V là người hưởng thừa kế thế vị ông D ; bà Nguyễn Thị Thanh H ; bà Nguyễn Thị Tô T ; bà Nguyễn Thị Thanh N ; ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn

Ngọc L , do bà L đã chết năm 2006 nên hai con đẻ của bà L là anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T là người hưởng thừa kế thế vị bà L.

- Xác định: Bản di chúc số 01238 không có hiệu lực pháp luật; di sản thừa kế của ông D để lại là quyền sở hữu 3.499.300 cổ phần phổ thông của ông D tại Công ty Q được chia theo pháp luật.

Chia thừa kế lần thứ nhất là ngày 01/7/2017 (*tức ngày ông D chết*) cho:

Cụ T , anh Việt, chị N , mỗi người được hưởng một kỉ phần thừa kế là: $3.499.300 \text{ cổ phần} / 3 \text{ kỷ phần} = 1.166.433 \text{ cổ phần phổ thông}$.

Chia thừa kế lần thứ hai là ngày 23/12/2021 (*tức ngày cụ T chết*) cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ gồm 06 kỷ phần: Ông D (*do người thừa kế thế vị của ông hưởng*); bà H; bà T; bà N; bà L (*do người thừa kế thế vị của bà L hưởng*) và ông T. Mỗi người được hưởng: $1.166.433 \text{ cổ phần phổ thông} / 6 \text{ kỷ phần} = 194.405,5 \text{ cổ phần phổ thông}$. Tuy nhiên theo khoản 3 Điều 4; điểm a khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “*Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần*”; “a) *Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần*”. Nghĩa là đơn vị cổ phần ít nhất phải là một, không thể có số nhỏ hơn một. Do đó 0,5 cổ phần của mỗi kỷ phần trong số 194.405,5 cổ phần phổ thông được chia, phải nhập chung thành 03 cổ phần phổ thông cho 06 kỷ phần được sở hữu chung. Nghĩa là hàng thừa kế thứ nhất của cụ T được chia riêng mỗi người 194.405 cổ phần phổ thông và được sở hữu chung 03 cổ phần phổ thông, (tương ứng mỗi kỷ phần được hưởng 16,6666% giá trị của 3 cổ phần hưởng chung).

Phần của ông D hưởng từ cụ T do chị N, Anh V hưởng thừa kế thế vị, mỗi người được hưởng: $194.405 \text{ cổ phần phổ thông} / 2 \text{ người} = 97.202,5 \text{ cổ phần phổ thông}$. Chị N và Anh V mỗi người được hưởng thừa kế thế vị riêng 97.202 cổ phần phổ thông và hưởng chung 01 cổ phần phổ thông (tương ứng mỗi người được hưởng 50% giá trị của 01 cổ phần hưởng chung).

Phần của bà L hưởng từ cụ T do anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T hưởng thừa kế thế vị, mỗi người được hưởng: $194.405 \text{ cổ phần phổ thông} / 2 \text{ người} = 97.202,5 \text{ cổ phần phổ thông}$. Anh Duy Anh và anh Minh Thành mỗi người được hưởng thừa kế thế vị riêng 97.202 cổ phần phổ thông và hưởng chung 01 cổ phần (tương ứng mỗi người được hưởng 50% giá trị của 01 cổ phần hưởng chung).

Như vậy sau hai lần chia thừa kế:

- Anh Nguyễn Trọng V , chị Nguyễn Thị Bích N mỗi người được hưởng riêng: $1.166.433 \text{ cổ phần phổ thông} + 97.202 \text{ cổ phần phổ thông} = 1.263.635 \text{ cổ phần phổ thông}$; được hưởng chung với các bà: H, T, Thanh N, ông T và người thừa kế thế vị

bà L 03 cổ phần phổ thông, trong đó phần của chị N , Anh V mỗi người là 1/2 của 16,6666% giá trị của 3 cổ phần hưởng chung này; Anh V chị N được hưởng chung 01 cổ phần phổ thông, tương ứng mỗi người 50% giá trị của 01 cổ phần hưởng chung. Tổng mỗi người được hưởng giá trị 1.263.635,75 cổ phần phổ thông.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H , bà Nguyễn Thị Tố T , bà Nguyễn Thị Thanh N , ông Nguyễn Trọng T : mỗi người được hưởng riêng thừa kế của cụ T là 194.405 cổ phần phổ thông; được hưởng chung 03 cổ phần phổ thông, trong đó phần của các bà: H, T, N và ông T mỗi người là 16,6666% giá trị của 3 cổ phần hưởng chung này. Tổng mỗi người được hưởng giá trị 194.405,5 cổ phần phổ thông.

- Anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T : mỗi người được hưởng riêng thừa kế thế vị bà L được hưởng thừa kế từ cụ T là 97.202 cổ phần phổ thông; được hưởng chung 03 cổ phần phổ thông, trong đó phần của Duy A và anh Minh T mỗi người là 1/2 của 16,6666% giá trị của 3 cổ phần hưởng chung này và hưởng chung 01 cổ phần phổ thông, tương ứng mỗi người hưởng 50% giá trị của 01 cổ phần hưởng chung này. Tổng mỗi người được hưởng giá trị 97.202,75 cổ phần phổ thông.

Sau khi những người được hưởng thừa kế được chia cổ phần phổ thông của ông D để lại tại Công ty Q theo pháp luật như nhận định trên có quyền, nghĩa vụ chủ động đăng ký tham gia cổ đông, quyền sở hữu cổ phần của mình với Công ty Q theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật.

2.2.1.2. Xét kháng cáo của chị N về việc đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do: Không đưa các cán bộ nhân viên khác của Công ty Q tham gia tố tụng; không định giá cổ phần phổ thông do ông D để lại và không xác định chị N đã được hưởng ít nhất 2/3 kỳ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 644 BLDS 2015. Hội đồng xét xử thấy:

Tại điểm 3 mục C của Bản di chúc số 01238 xác định “60% tổng số cổ tức được chia cho cán bộ, nhân viên khác của công ty...”. Những cán bộ, nhân viên khác của công ty là những người không thuộc trường hợp chỉ định tại mục B, C phần II Bản di chúc số 01238. Họ chỉ là những người làm việc trong Công ty Q và do Công ty Q quản lý, điều hành, trả công (*trả lương*) cho họ; số lượng người thay đổi theo hợp đồng lao động với Công ty Q và họ chỉ được hưởng một phần cổ tức khi Bản di chúc số 01238 có hiệu lực pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đưa Công ty Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo điểm a khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp quy định: “a) *Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần*”. Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số Doanh nghiệp: 0101353379; Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 11/09/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Q xác định vốn Điều lệ của Công ty Q là 35.000.000.000 đồng; mệnh giá cổ phần 10.000.000 đồng. Đối chiếu với công văn phúc đáp của Phòng Tài chính – kế hoạch huyện TT đã xác định: “*hiện Công ty cổ phần Dược phẩm Q chưa niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán nên việc định giá cổ phần không có cơ sở thực hiện*” và các đương sự cùng thống nhất xác định cổ phần, cổ phiếu của Công ty Q nói chung và của ông D nói riêng chưa lên sàn giao dịch nên được định giá cổ phần phổ thông bằng vốn Điều lệ chia thành là 10.000.000 đồng/cổ phần là có căn cứ pháp luật.

Mặt khác: Cổ phần phổ thông của Công ty Q là tài sản có thể biến động theo từng thời điểm khác nhau theo thị trường nên không có căn cứ định giá cố định. Ngoài ra, cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đều phân chia cho người được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là cổ phần phổ thông và xác định giá trị cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Q là đúng quy định pháp luật, do đó việc định giá cổ phần phổ thông là không cần thiết.

Cấp phúc thẩm đã xác định Bản di chúc số 01238 không có hiệu lực pháp luật. Chị N đã được phân chia thừa kế như nhận định tại tiểu mục 2.2.1.1 nêu trên. Nên chị N không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 644 BLDS 2015.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận phần kháng cáo này của chị N

2.2.2. Xét kháng cáo của bị đơn - Bà Nguyễn Thị T

Bà Thư, sinh năm 1957 là người cao tuổi, có đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự. Do đó yêu cầu kháng cáo xin miễn án phí của bà là có căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

2.3. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hội đồng xét xử chấp nhận rút kháng nghị về nội dung xác định Công ty Q là bị đơn của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Đối với kháng nghị về việc cấp sơ thẩm *Không đưa các cán bộ nhân viên khác của Công ty Q tham gia tố tụng; không định giá cổ phần phổ thông do ông D để lại.* Về nội dung này như nhận định tại tiểu mục 2.2.1.2 xét kháng cáo của chị N nêu trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện TT.

2.4. Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị miễn án phí dân sự của bà T là bị đơn.

Chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội; Không chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND huyện TT đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm

Quan điểm đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của TAND huyện TT theo hướng đã nhận định trên.

[3]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh H , sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị Tô T , sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Thanh N , sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1957 là người cao tuổi; chị Nguyễn Thị Bích N là người tàn tật được hưởng trợ cấp xã hội nên được miễn toàn bộ án phí dân sự.

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm;

- Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên mỗi nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Trọng V được hưởng thừa kế quyền sở hữu tương ứng với giá trị 1.263.635,75 cổ phần phổ thông (*Theo vốn Điều lệ và các đương sự thừa nhận mỗi cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng*) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $\{112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\%[(1.263.635,75 \text{ cổ phần phổ thông} \times 10.000 \text{ đồng} - 120.636.357.500 \text{ đồng}) - 4.000.000.000 \text{ đồng}]\} = 120.363.357,5$ (làm tròn là 120.636.000) đồng;

- Ông Nguyễn Trọng T được hưởng thừa kế quyền sở hữu tương ứng 194.405,5 cổ phần phổ thông (*Theo vốn Điều lệ và các đương sự thừa nhận mỗi cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng*) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $\{[36.000.000 \text{ đồng} + 3\%[(194.405,5 \text{ cổ phần phổ thông} \times 10.000 \text{ đồng}) - 800.000.000 \text{ đồng}]] = 70.321.650$ (làm tròn là 70.322.000) đồng;

- Anh Phạm Duy A , anh Phạm Minh T mỗi người được hưởng thừa kế quyền sở hữu tương ứng 97.202,75 cổ phần phổ thông (*Theo vốn Điều lệ và các đương sự thừa nhận mỗi cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng*) nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $\{[36.000.000 \text{ đồng} + 3\% (97.202,75 \text{ cổ phần phổ thông} \times 10.000 \text{ đồng}) - 800.000.000 \text{ đồng}]\} = 41.160.825$ (làm tròn là 41.161.000) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên các người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tạm ứng án phí do các đương sự đã nộp được đối trừ với nghĩa vụ chịu án phí.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 74, 147, 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều: 609,610,611,612, 613,623,643,648,649,650,651,652 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều: 111, 114, 115, 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Trọng V ; chị Nguyễn Thị Bích N và Cụ Đào Thị T do các bà Nguyễn Thị Thanh H , Nguyễn Thị Tố T , Nguyễn Thị Thanh N ; ông Nguyễn Trọng T ; chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Trọng V (*thừa kế thế vị ông D*); anh Phạm Duy A , Phạm Minh T (*thừa kế thế vị bà Nguyễn Ngọc L*) kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ T .

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị T ;

Không chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố HN. Cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế là 3.499.300 cổ phần phổ thông, chiếm 99,98% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần dược phẩm Q của ông Nguyễn Quốc D để theo bản Di chúc lập ngày 03/5/2017 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, số công chứng 01238.2017/CCHH/DC quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Trọng V , chị Nguyễn Thị Bích N và Cụ Đào Thị T (do các bà Nguyễn Thị Thanh H , Nguyễn Thị Tố T , Nguyễn Thị Thanh N ông Nguyễn Trọng T , chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Trọng V ; anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T).

2.1. Xác định ông Nguyễn Quốc D chết ngày 01/7/2017. Có để lại bản Di chúc lập ngày 03/5/2017 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, số công chứng

01238.2017/CCHH/DC quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD về việc định đoạt 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q không có hiệu lực pháp luật thi hành.

2.2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Quốc D là ngày 01/7/2017. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Quốc D gồm: Chị Nguyễn Thị Bích N ; anh Nguyễn Trọng V và Cụ Đào Thị T. Cụ T chết ngày 23/12/2021 nên: Chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng thừa kế thế vị ông Nguyễn Quốc D ; các bà: Nguyễn Thị Thanh H , Nguyễn Thị Tố T , Nguyễn Thị Thanh N ; ông Nguyễn Trọng T và anh Phạm Duy A , anh Phạm Minh T thừa kế thế vị bà Nguyễn Ngọc L cùng là người thừa kế kỷ phần của Cụ Đào Thị T được hưởng từ ông Nguyễn Quốc D.

2.3. Xác định di sản thừa kế ông Nguyễn Quốc D để lại là 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q được chia theo pháp luật cho những người thừa kế đã xác định tại điểm 2.2. khoản 2 Quyết định của bản án. Chia cụ thể như sau:

2.3.1. Chị Nguyễn Thị Bích N được hưởng:

2.3.1.1. Quyền sở hữu 1.263.635 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.1.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Thanh H , bà Nguyễn Thị Tố T, bà Nguyễn Thị Thanh N ; ông Nguyễn Trọng T ; anh Nguyễn Trọng V ; anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của chị Nguyễn Thị N là 8,3333 % giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.1.3. Được sở hữu chung với anh Nguyễn Trọng V 01 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của chị N là 50 % giá trị của 01 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.2. Anh Nguyễn Trọng V được hưởng:

2.3.2.1. Quyền sở hữu 1.263.635 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.2.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Thanh H , bà Nguyễn Thị Tố T, bà Nguyễn Thị Thanh N; ông Nguyễn Trọng T; Chị Nguyễn Thị Bích N; anh

Phạm Duy A và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của anh Nguyễn Trọng Việt là 8,3333 % giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.2.3. Được sở hữu chung với chị Nguyễn Thị Bích N 01 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của anh Nguyễn Trọng V là 50 % giá trị trong 01 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh H được hưởng:

2.3.3.1. Quyền sở hữu 194.405 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.3.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Tố T , bà Nguyễn Thị Thanh N , ông Nguyễn Trọng T , chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng V , anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của của bà Nguyễn Thị Thanh H là 16,6666% giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này.

2.3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh N được hưởng:

2.3.4.1. Quyền sở hữu 194.405 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.4.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Tố T , bà Nguyễn Thị Thanh H , ông Nguyễn Trọng T , chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng V , anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của của bà Nguyễn Thị Thanh N là 16,6666% giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này.

2.3.5. Bà Nguyễn Thị Tố T được hưởng:

2.3.5.1. Quyền sở hữu 194.405 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.5.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Thanh N , bà Nguyễn Thị Thanh H , ông Nguyễn Trọng T , chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng V , anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ

phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của của bà Nguyễn Thị Tố T là 16,6666% giá trị 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này.

2.3.6. Ông Nguyễn Trọng T được hưởng:

2.3.6.1. Quyền sở hữu 194.405 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.6.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Tố T ; bà Nguyễn Thị Thanh N ; bà Nguyễn Thị Thanh H ; chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng V ; anh Phạm Duy A và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của của ông Nguyễn Trọng T là 16,6666% giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này.

2.3.7. Anh Phạm Duy A được hưởng:

2.3.7.1. Quyền sở hữu 97.202 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.7.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Thanh H , bà Nguyễn Thị Tố T, bà Nguyễn Thị Thanh N ông Nguyễn Trọng T chị Nguyễn Thị Bích N anh Nguyễn Trọng V và anh Phạm Minh T 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của anh Phạm Duy A là 8,3333 % giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.7.3. Được sở hữu chung với anh Phạm Minh T 01 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q và tỷ lệ của anh Phạm Duy A là 50 % giá trị 01 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.8. Anh Phạm Minh T được hưởng:

2.3.8.1. Quyền sở hữu 97.202 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần dược phẩm Q.

2.3.8.2. Được sở hữu chung với bà Nguyễn Thị Thanh H , bà Nguyễn Thị Tố T , bà Nguyễn Thị Thanh N ông Nguyễn Trọng T chị Nguyễn Thị Bích N , anh Nguyễn Trọng V và anh Phạm Duy A 03 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ

phần được phẩm Q và tỷ lệ của anh Phạm Minh T là 8,3333 % giá trị của 03 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

2.3.8.3. Được sở hữu chung với anh Phạm Duy A 01 cổ phần phổ thông trong số 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần được phẩm Q và tỷ lệ của anh Phạm Minh T là 50 % giá trị của 01 cổ phần phổ thông hưởng chung này;

Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật và theo quyết định tại các tiêu điểm: 2.3.1; 2.3.2; 2.3.3; 2.3.4; 2.3.5; 2.3.6; 2.3.7; 2.3.8 điểm 2.3 khoản 2 Quyết định của bản có quyền, nghĩa vụ chủ động đăng ký quyền sở hữu cổ phần phổ thông mà mình được hưởng thừa kế từ 3.499.300 cổ phần phổ thông thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Quốc D để lại tại Công ty Cổ phần được phẩm Q theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự cho: Bà Nguyễn Thị Thanh H ; bà Nguyễn Thị Tố T ; bà Nguyễn Thị Thanh N ; bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Bích N .

4.2. Buộc Nguyên đơn gồm: Bà Phan Thị Thanh N , bà Ngô Thị V và ông Vương Hùng S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Đổi trừ với 71.496.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007140 ngày 26/02/2019 tại Chi cục thi hành án huyện TT. Hoàn trả lại: Bà Phan Thị Thanh N , bà Ngô Thị V và ông Vương Hùng S số tiền 70.596.500 (*Bảy mươi triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm*) đồng.

4.3. Buộc anh Nguyễn Trọng V phải chịu 120.636.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được đổi trừ với 71.496.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007200 ngày 12/4/2019 và số 0022544 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT. Anh Nguyễn Trọng V còn phải nộp tiếp 48.839.500 (*Bốn mươi tám triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.4. Buộc ông Nguyễn Trọng T phải chịu 70.322.000 (*Bảy mươi triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4.5. Buộc anh Phạm Duy A phải chịu 41.161.000 (Bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4.6. Buộc anh Phạm Minh T phải chịu 41.161.000 (Bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- TAND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐMH